TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 1 – CẦN THƠ	**Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2026

V/v "Tranh chấp ly hôn "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CẦN THƠ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Kim Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Khoa

2. Bà Nguyễn Minh Phương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 184/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về "*Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 819/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Dương Anh T,** sinh năm 2003.

Địa chỉ: Số A đường C, KV C, phường A, thành phố Cần Thơ.

(Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Phan Hoài M**, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Số E đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

(Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê DƯơng Anh T trình bày: Bà và ông Phan Hoài M đăng ký kết hôn ngày

10/01/2022 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ). Sau khoảng thời gian chung sống, đời sống vợ chồng không còn hòa hợp, mâu thuẫn không thể hàn gắn. Bà nhận thấy không còn tình cảm với ông M, nên đề nghị được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Có một con chung là cháu Phan Nhật H (N), sinh ngày 11/3/2022. Sau khi ly hôn bà xin được quyền nuôi con chung là cháu H và không yêu cầu ông M cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Hoài M trình bày tại bản tự khai

Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông và bà T xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn. ông đồng ý ly hôn với bà Lê Dương Anh T

- Về con chung: Có một con chung là cháu Phan Nhật H (N), sinh ngày 11/3/2022. Do hiện nay ông đang phải chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1 thành phố Cần Thơ, nên sau khi ly hôn ông đồng ý giao con chung là cháu H cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Dương Anh T và ông Phan Hoài M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ). Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn, nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường T, nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn có quá trình chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Bị đơn hiện nay đang phải chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1 thành phố Cần Thơ theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 04/QĐ-TA ngày 13/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ thời gian chấp hành là 12 tháng. Hôn nhân phải xây dựng trên nền tảng tình cảm tự nguyện và tôn trọng nhau của cả hai bên, nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn, bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Thể hiện việc tình cảm vợ chồng hai bên đã hết, khả năng đoàn tụ là không thể, mục đích của cuộc hôn nhân giữa hai bên không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của bị đơn

[3] Về con chung:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Phan Nhật H (N), sinh ngày 11/3/2022. Sau khi ly hôn nguyên đơn xin được quyền nuôi con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Bị đơn cũng thống nhất giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không cấp dưỡng.

Xét thấy cháu H đang sinh sống cùng nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu nuôi con chung, đồng ý để nguyên đơn nuôi con chung, vì vậy giao cháu H cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bị đơn không cấp dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho người không trực tiếp nuôi con không ai được ngăn cản thực hiện các quyền này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên trình bày không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này hai bên phát sinh tranh

chấp hoặc tranh chấp với người khác thì có thể khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác để yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Dương Anh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Dương Anh T được ly hôn với ông Phan Hoài M.

Về con chung: Giao cháu Phan Nhật H (N), sinh ngày 11/3/2022 cho bà Lê Dương Anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Phan Hoài M không cấp dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông M không ai được ngăn cản ông M thực hiện các quyền này.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005197 ngày 20/3/2026 tại Thi hành án Dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

3. Quyền kháng cáo các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện KSND KV1-CT;
- Phòng T.H.A Dân sự KV1-CT;
- Các đương sự
- Lưu.

Phạm Thị Kim Tiến